TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/DS-ST
Ngày: 14 -4- 2023
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang C

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh H – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy H– *Kiểm sát viên*.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 370/2022/TLST-DS ngày 21/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-DS ngày 28/02/2023, Quyết định Hoãn phiên tòa số 162/2023/QĐ-HPT ngày 23/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S,

Địa chỉ trụ sở: Lầu X, 266-268 N, Phường V, Quận X, Thành phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm 19XX;

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng D, sinh năm 19XX,

Địa chỉ: 563 T, phường T, quận T, Thành phố H.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải

quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S do ông Trần Đức T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/11/2012 ông Lê Hoàng D có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.5%/ tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lê Hoàng D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.910.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Lê Hoàng D phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông Lê Hoàng D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 31.530.300 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông Lê Hoàng D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông Lê Hoàng D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/09/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 2.911.952 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.75%/ tháng (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Ông Lê Hoàng D, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy

nhiên Ông Lê Hoàng D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết buộc Ông Lê Hoàng D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/4/2023 là 10.133.677 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.911.952 đồng, Lãi quá hạn: 7.221.725 đồng. Và ông D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Lê Hoàng D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Hoàng D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hợp đồng thẻ tín dụng hai bên ký kết, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng. Do bị đơn cư trú tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

- Thời hạn tố tụng: Thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền vay gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/11/2012 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng cộng là 10.133.677 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 2.911.952 đồng, Lãi quá hạn: 7.221.725 đồng. Thời hạn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực lực pháp luật, yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Căn cứ đơn khởi kiện, hợp đồng thẻ tín dụng, lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ thu thập. Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 11, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 của Quy chế

cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Ông Lê Hoàng D phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sở thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn ông Lê Hoàng D thanh toán khoản tiền nợ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự", cụ thể là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân quận T thì bị đơn ông Lê Hoàng D có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại nhà số 563 Trường Chinh, phường Tân Sơn Nhì, quận T, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bị đơn ông Lê Hoàng D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông D đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan.

Nên căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/11/2012, số thẻ 970403-6215 tính từ ngày vi phạm đến ngày 14/4/2023.

Do bị đơn ông Lê Hoàng D không văn bản trình bày có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

Xét thấy, ngày 16/11/2012, ông Lê Hoàng D có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) theo đó Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Lê Hoàng D, loại thẻ tín dụng nội địa Family, số thẻ 970403-6215, hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Như vậy, việc giao kết các hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 23/09/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 2.911.952 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.75%/ tháng (150% của lãi suất 2.5%/tháng) là phù hợp theo thỏa thuận tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Thông báo số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012 về việc thay đổi lãi suất thẻ tín dụng Family của Sacombank.

Số tiền nợ sử dụng thẻ tín dụng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tính đến ngày 14/4/2023 là 10.133.677 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.911.952 đồng, Lãi quá hạn: 7.221.725 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2] Về yêu cầu ông Lê Hoàng D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/11/2012 tính kể từ ngày 15/4/2023 cho đến ngày ông D trả hết nợ gốc.

Xét tại các Hợp đồng sử dụng tín dụng do hai bên ký kết có thỏa thuận mức lãi suất. Ông D chậm thực hiện nghĩa vụ nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến thi hành án xong, ông D còn phải thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều

13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.3] Về thời hạn thanh toán*:* Ngân hàng yêu cầu ông D thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, việc ông D ngưng thanh toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông D thanh toán hết số tiền nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 385, 401, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- Buộc ông Lê Hoàng D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày

16/11/2012, loại thẻ tín dụng nội địa Family, số thẻ 970403-6215, tính đến ngày 14/4/2023 là 10.133.677 đồng (mười triệu một trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi bảy đồng) (trong đó: Nợ gốc: 2.911.952 đồng, Lãi quá hạn: 7.221.725 đồng)

Kể từ ngày 15/4/2023 cho đến thi hành án xong, ông Lê Hoàng D còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/11/2012.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Hoàng D phải chịu số tiền là 506.684 (năm trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm tám mươi bốn) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036413 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc N